

Bản án số: 240 /2022/DS-PT.

Ngày: 25 – 11 – 2022.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Văn Lạc.

- *Các Thẩm phán:* Bà Đặng Thị Ánh Bình.

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lưu Thị Nhơn – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:* Bà Trần Ngọc Bích -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm
2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022
của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 273/2022/QĐ-PT ngày
09 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1970, nơi cư trú ấp Phú
Thuận 2, xã Đồng Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:*

1/ Ông Phan Văn S, sinh năm 1971

2/ Bà Mạc Thị Kim Ch, sinh năm 1971

Cùng nơi cư trú: ấp Phú Mỹ 1, xã Đồng Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo ủy quyền của ông S và bà Ch có anh Nguyễn Hòa Th, sinh năm 1982, địa chỉ số 33/6, đường Mậu Thân, phường 3, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 02/6/2022)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Ông Phan Văn Sang, bà Mạc Thị Kim Chi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2022 của nguyên đơn và trong quá trình xét xử nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/8/2021 (âm lịch) tức ngày 27/9/2021 dương lịch bà Nguyễn Thị Kim C có cho ông Phan Văn S và vợ bà Mạc Thị Kim Ch vay số tiền 560 triệu đồng, thời gian vay tiền là 30 ngày tức ngày 21/9/2021 âm lịch trả. Mục đích vay tiền là để bị đơn xoay sở trong gia đình làm vườn, việc vay tiền đôi bên có làm biên nhận cùng ngày 21/8/2021 âm lịch, bà Mạc Thị Kim Ch là người viết biên nhận mượn tiền (có mẫu sẵn do nguyên đơn bà C đưa) sau đó ông S và bà Ch ký tên, ghi họ tên vào biên nhận, nguyên đơn đã giao đủ số tiền cho bị đơn sau khi ký biên nhận. Khi làm biên nhận không có ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận lãi suất miệng là 2% tháng. Trong thời gian vay tiền thì ngày 25/12/2021 âm lịch (tức ngày 27/01/2022 dương lịch) phía bị đơn có trả cho nguyên đơn số tiền là 100 triệu đồng. Cho đến nay bị đơn ông S và bà Ch không trả tiền cho nguyên đơn.

Đối với biên nhận mượn tiền ngày 02/6/2020 âm lịch do bị đơn xuất trình thì bà C xác định đúng là ngày 02/6/2020 âm lịch bị đơn có mượn của nguyên đơn số tiền vốn gốc là 300 triệu đồng là đúng, biên nhận mượn tiền này cũng do bà Mạc Thị Kim Ch viết (Biên nhận mượn tiền mẫu có sẵn do bà Ch đưa cũng giống mẫu biên nhận ngày 21/8/2021 âm lịch) sau đó bà Ch và ông S ký tên ghi họ tên. Đến ngày 21/8/2021 âm lịch thì bị đơn và nguyên đơn đã kết nợ tính toán xong phía bị đơn mượn thêm 260 triệu đồng và hai bên làm biên nhận mượn tiền mới ngày 21/8/2021 âm lịch, nguyên đơn đưa thêm cho bị đơn mượn 260 triệu đồng tiền mặt cộng dồn với 300 triệu vốn gốc theo biên nhận ngày 02/6/2020 âm lịch tổng cộng bị đơn nợ là 560 triệu đồng vốn gốc. Khi làm biên nhận mới thì nguyên đơn trả lại biên nhận mượn tiền ngày 02/6/2020 âm lịch cho bị đơn và khi trả lại nội dung biên nhận không có nội dung thỏa thuận phần lãi suất là 60% và nội dung cộng lãi 115 triệu đồng phần này không biết ai viết thêm vào biên nhận mượn tiền ngày 02/6/2020 âm lịch vì khi viết biên nhận này giữa đôi bên không có ghi lãi suất vào biên nhận và tiền cộng dồn gì cả. Bà C xác định không có việc nhập tiền lãi của

biên nhận mượn tiền ngày 02/6/2020 âm lịch vào biên nhận mượn tiền ngày 21/8/2021 âm lịch như đại diện bị đơn trình bày.

Bà C khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn S và bà Mạc Thị Kim Ch trả số tiền vốn gốc là 460 triệu đồng, tiền lãi tính như sau: $560.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 4 \text{ tháng}$ (Từ ngày 27/9/2021 dương lịch (tức ngày 21/8/2021 âm lịch) đến ngày 27/01/2022 dương lịch (tức ngày 25/12/2021 âm lịch)) = 37.184.000 đồng + $(460.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 6,5 \text{ tháng}$ (Từ ngày 28/01/2022 đến ngày 16/8/2022 dương lịch)) = 49.634.000 đồng) tổng lãi là 86.818.000 đồng. Ngoài ra, yêu cầu ông S và bà Ch phải tiếp tục chịu lãi suất chậm trả sau khi tòa xét xử.

- Ý kiến trình bày của đại diện ủy quyền bị đơn anh Nguyễn Hòa Th:

Phía bị đơn xác định ông Phan Văn S và bà Mạc Thị Kim Ch có vay tiền của bà C là đúng số tiền vay vốn gốc ban đầu chỉ có 300 triệu đồng theo biên nhận ngày 02/6/2020 âm lịch. Thời gian vay tiền là ngày 02/6/2020 âm lịch đến 02/6/2021 âm lịch, đôi bên có làm biên nhận chữ viết mực màu xanh là của bị đơn Mạc Thị Kim Ch viết, viết trên biên nhận có mẫu sẵn do nguyên đơn cung cấp, lãi suất thỏa thuận là 6% tháng. Nay bà C khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 560 triệu đồng theo biên nhận ngày 21/8/2021 âm lịch thì bị đơn không đồng ý vì biên nhận này đúng là chữ viết, chữ ký tên của bị đơn nhưng khi tính toán nợ có nhập tiền lãi vào vốn gốc là 260 triệu đồng mới lên số tiền 560 triệu đồng, bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 300 triệu đồng vốn gốc và tiền lãi tính theo lãi suất ngân hàng 10%/năm, tính từ ngày nhận tiền 02/6/2020 âm lịch đến ngày xét xử. Trong quá trình vay mượn tiền ngày 25/12/2021 bị đơn có trả cho nguyên đơn số tiền 100 triệu đồng đề nghị trừ vào khoản tiền vay. Số liệu được tính như sau: $300.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 25 \text{ tháng}$ (tính đến tháng 7/2022) là 62.250.000 đồng. Tổng vốn lãi là 362.250.000 đồng, trừ 100 triệu còn là 262.250.000 đồng.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định.

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C đối với ông Phan Văn S và bà Mạc Thị Kim Ch.

2. Buộc ông Phan Văn S và bà Mạc Thị Kim Ch có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền là 546.818.000đồng (Năm trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm mười tám nghìn đồng). (Trong đó, vốn gốc là 460.000.000 đồng, lãi là 86.818.000 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo Khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 24/8/2022 bị đơn ông Phan Văn S và bà Mạc Thị Kim Ch có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo hướng sửa án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng ý trả nguyên đơn số tiền 324.500.000đ (Trong đó tiền vốn là 300.000.000đ + tiền lãi là 124.500.000đ = 424.500.000đ – 100.000.000 đồng bị đơn đã trả trước cho nguyên đơn).

- Tại phiên Tòa phúc thẩm: bị đơn Phan Văn S và bà Mạc Thị Kim Ch giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn có thiện chí trả nợ cho nguyên đơn nên đề nghị nguyên đơn giảm bớt số tiền lãi và đã được nguyên đơn đồng ý giảm tương đương số tiền 36.818.000đ đây là sự tự nguyện của các đương sự không trái đạo đức xã hội không bị pháp luật cấm nên theo quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 công nhận sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm làm căn cứ sửa án sơ thẩm. Buộc bị đơn Phan Văn S và bà Mạc Thị Kim Ch có trách nhiệm trả nguyên đơn số tiền 510.000.000đ. Trong đó tiền vốn 460.000.000đ và lãi 50.000.000đ

Do sửa án nên án phí dân sự được điều chỉnh lại. Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm,

thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 68/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền vốn 460.000.000đ và lãi 50.000.000đ. Tổng cộng 510.000.000đ. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 17/8/2022 Tòa án nhân dân huyện Long Hồ tuyên án sơ thẩm. Ngày 29/8/2022 bị đơn nộp đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: xét kháng cáo của bị đơn cho rằng chỉ nợ nguyên đơn 300.000.000đ và lãi tiền lãi là 124.500.000đ. Ngoài lời trình bày bị đơn không có chứng cứ chứng minh.

Tại phiên tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tuy nhiên nguyên đơn đã đồng ý giảm số tiền lãi từ 86.818.000đ xuống còn 50.000.000đ là giảm 36.818.000đ cho bị đơn. Phía bị đơn cũng đồng ý. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 510.000.000đ. Trong đó tiền nợ gốc là 460.000.000đ, lãi là 50.000.000đ. Tổng cộng 510.000.000đ là có căn cứ.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

[4] Từ nhận định trên, xét kháng cáo của bị đơn là có căn cứ để chấp nhận một phần

[5] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: do sửa án sơ thẩm nên án phí được điều chỉnh lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn ông Phan Văn S và bà Mạc Thị Kim Ch không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn S và bà Mạc Thị Kim Ch.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 4 Điều 26, Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C đối với ông Phan Văn S và bà Mạc Thị Kim Ch.

2. Buộc ông Phan Văn S và bà Mạc Thị Kim Ch có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền là 510.000.000đồng (Năm trăm mười triệu đồng). (Trong đó, vốn gốc là 460.000.000 đồng, lãi là 50.000.000 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo Khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Phan Văn S và bà Mạc Thị Kim Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 24.400.000đ (Hai mươi bốn triệu bốn trăm ngàn đồng)

Hoàn trả nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) theo Biên lai thu số 0003916 ngày 13/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Phan Văn S và bà Mạc Thị Kim Ch không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 600.000đ. Hoàn lại ông S và bà Ch số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 600.000đ theo Biên lai thu số 0004203 ngày 25/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL: 01b;
- TAND Long Hồ: 01b;
- Chi cục THADS Long Hồ : 01b;
- Mỗi đương sự: 01b;
- Lưu HS: 06b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Lạc

